

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2451.../QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Luật thương mại quốc tế (International Trade Law)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Luật kinh tế
Mã ngành:	7380107
Chuyên ngành đào tạo:	Luật thương mại quốc tế
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế đã được ban hành theo Quyết định số 106/QĐ-ĐHTM ngày 21/01/2022 và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 142/QĐ-ĐHTM ngày 13/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

Căn cứ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 1982/QĐ-TTg, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, Chiến lược phát triển của Trường Đại học Thương mại, khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, kết quả khảo sát người sử dụng lao động và các bên liên quan, trong lần rà soát, cải tiến này, chương trình đào tạo (CTĐT) có điều chỉnh như sau:

- Chính sửa lại mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của CTĐT.
- Điều chỉnh một số học phần như sau:

STT	Tên học phần rút bớt	Số TC	Tên học phần thay thế/bổ sung	Số TC
1.	Tin học quản lý	2	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	3
2.	Khởi sự kinh doanh	2	Khởi sự kinh doanh	3
3.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Kinh tế môi trường	2

4.	Lịch sử kinh tế Việt Nam	2	Pháp luật hợp đồng	3
5.	Luật so sánh	2	Chuyển đổi số trong kinh doanh	2
6.	Xây dựng văn bản pháp luật	2	Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp	2
7.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	3
8.	Pháp luật về dịch vụ phân phối	2	Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế	3
9.	Nguyên lý quản lý kinh tế	3	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3
10.	Kinh tế đầu tư	3	Kinh tế đầu tư quốc tế	3
11.	Luật Cạnh tranh	3	Luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3
12.	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2		
13.	Kiểm toán căn bản	3		
14.	Thống kê kinh doanh	3		
15.	Quản lý nhà nước về thương mại	3		

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1 Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế là chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, đào tạo cử nhân Luật kinh tế, chuyên ngành Luật thương mại quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội, quy Luật kinh tế, chính trị; có kiến thức cơ bản, hiện đại về kinh tế, thương mại quốc tế; có kiến thức chuyên sâu về pháp luật thương mại quốc tế; có kỹ năng thực hành cơ bản nghề luật; có năng lực làm việc độc lập, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; có khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế

2.2 Mục tiêu cụ thể:

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, thương mại quốc tế và pháp luật nói chung, đặc biệt là có những kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu về pháp luật thương mại quốc tế;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng phát hiện, phân tích và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết, tham mưu, tư vấn các vấn đề về pháp luật thương mại quốc tế tại các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức quốc tế; Có thể tham gia đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cho các cơ sở đào tạo về luật, các viện/trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật thương mại quốc tế;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tham gia đội ngũ pháp chế của các doanh nghiệp trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế, các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực làm việc độc lập, tự chủ và làm việc theo nhóm hiệu quả; có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng học tập suốt đời; có khả năng học tập suốt đời, học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp, có cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo khác thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế, kinh doanh, thương mại quốc tế; theo học các chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành về luật, kinh tế, thương mại quốc tế trong và ngoài nước.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức:

(PLO1): Vận dụng được kiến thức lý thuyết cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, kinh tế, thương mại quốc tế và pháp luật nói chung để có cơ sở tiếp cận, nghiên cứu chuyên ngành pháp luật thương mại quốc tế.

(PLO2) Vận dụng được kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết nền tảng, chuyên sâu về pháp luật thương mại quốc tế; hiểu, phân tích và vận dụng được các quy phạm pháp luật, liên quan đến chuyên ngành để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế.

(PLO3) Vận dụng được kiến thức cơ bản để lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng:

(PLO4) Có kỹ năng phân tích, phát hiện và giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong quản lý nhà nước về kinh tế và thương mại quốc tế, trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại quốc tế của doanh nghiệp và các chủ thể khác trong nền kinh tế;

(PLO5) Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp pháp lý thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; Lập, kiểm soát thể thức, nội dung pháp lý trong các văn bản quản lý nhà nước, quản lý nội bộ trong doanh nghiệp, giao dịch và hợp đồng trong thương mại quốc tế;

(PLO6) Có kỹ năng thực hiện các hoạt động tư vấn pháp luật, tham gia giải quyết khiếu nại, tranh tụng liên quan đến các vấn đề pháp lý về thương mại quốc tế;

(PLO7) Có kỹ năng sử dụng hiệu quả các công cụ trong quá trình chuyển đổi số phục vụ công tác chuyên môn;

(PLO8) Có kỹ năng giao tiếp, truyền thông, thuyết phục hiệu quả, phổ biến kiến thức pháp lý về kinh tế và thương mại quốc tế;

(PLO9) Có kỹ năng dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác; có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo;

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO10) Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định

(PLO11). Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; tự cập nhật kiến thức, thông tin trong lĩnh vực chuyên môn; vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các công việc trong thực tiễn; đề xuất được những giải pháp khắc phục hạn chế và hoàn thiện pháp luật về kinh tế và thương mại quốc tế;

(PLO12) Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn;

(PLO13) Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế;

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO14): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO15): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về

yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,....

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Cấu trúc học phần
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		41	
1.1.	Giáo dục đại cương		30	
1.1.1	Các học phần bắt buộc		28	
1	Triết học Mác – Lênin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCMIO121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMIO111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	RLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCMIO131	2	21,18
6	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
7	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12

8	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
9	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	INFO3511	3	36,18
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
11	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
12	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
1.1.2.	Các học phần tự chọn (Chọn 2TC trong các HP sau)			
1	Logic học	MLNP0911	2	24,12
2	Kinh tế môi trường	FECO1521	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất		3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc		1	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
1.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 2 TC trong các HP sau)		2	
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
1.3	Giáo dục quốc phòng – an ninh		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		90	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		29	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc		18	
1	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	BLAW0511	3	36,18
2	Luật dân sự 1	BLAW2111	3	36,18
3	Luật dân sự 2	BLAW2221	2	24,12
4	Luật hiến pháp	BLAW0621	3	36,18
5	Luật hành chính	BLAW2511	3	36,18
6	Tiếng Anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
7	Tiếng Anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2.	Các học phần tự chọn (Chọn 11 TC trong các HP sau)		11	

1	Pháp luật hợp đồng	BLAW3511	3	36,18
2	Luật hình sự	BLAW2621	3	36,18
3	Thương mại điện tử căn bản	PCOM0111	3	36,18
4	Kinh tế thương mại đại cương	TECO2911	2	24,12
5	Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
6	Khởi sự kinh doanh	EPIN0211	3	36,18
7	Kinh tế quốc tế 1	FECO1711	3	36,18
8	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	BKSC2411	3	36,18
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)		39	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc		28	
1	Công pháp quốc tế	BLAW2711	2	24,12
2	Tư pháp quốc tế	PLAW3211	2	24,12
3	Luật kinh tế	PLAW4411	3	36,18
4	Luật thương mại quốc tế 1	BLAW3611	3	36,18
5	Luật thương mại quốc tế 2*	BLAW3721	3	34,12,5
6	Pháp luật về đầu tư	PLAW3411	3	36,18
7	Luật sở hữu trí tuệ	PLAW2211	2	24,12
8	Trọng tài thương mại quốc tế	BLAW3811	2	24,12
9	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	PLAW2911	3	36,18
10	Pháp luật về phòng vệ thương mại *	PLAW4521	3	34,12,5
11	Luật tố tụng dân sự	BLAW1421	2	24,12
2.2.2.	Các học phần tự chọn (Chọn 11 TC trong các HP sau)		11	
1	Pháp luật về đấu thầu	BLAW3521	2	24,12
2	Pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế	BLAW4111	3	36,18
3	Luật kinh doanh bảo hiểm	PLAW2711	2	24,12
4	Luật thương mại điện tử	PLAW1411	2	24,12
5	Pháp luật về thuế	PLAW4011	2	24,12
6	Pháp luật hải quan	PLAW4111	3	36,18
7	Pháp luật môi trường quốc tế	PLAW4211	3	36,18
8	Kỹ năng thực hành pháp luật	BLAW4211	3	0,90
9	Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp	PLAW4611	2	0,60

2.3.	Kiến thức bổ trợ		12	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc		6	
1	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	ITOM1511	3	36,18
2	Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế	FECO2511	3	36,18
2.3.2.	Các học phần tự chọn (Chọn 6 TC trong các HP sau)		6	
1	Kinh doanh quốc tế	ITOM1311	3	36,18
2	Kinh tế đầu tư quốc tế	FECO2022	3	36,18
3	Quản trị chuỗi cung ứng	BLOG2011	3	36,18
4	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	ITOM0511	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10	
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	REPF1311	3	0,90
2.4.2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	LVVF1611	7	0,210

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.

- Các học phần có dấu * có tổ chức báo cáo thực tế.

8.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

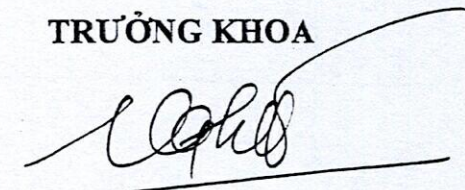
TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC

3	KỶ HÈ NĂM NHẤT	GD QP&AN	08 TC
4	KỶ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
5	KỶ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỶ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	15-17TC
7	KỶ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỶ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	TỔNG CỘNG		131TC

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.


HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỜNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Tinh

PHỤ LỤC: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế

của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6. Tiếng Anh 1: Học phần “*Tiếng Anh 1*” gồm 4 bài đầu của giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

7. Tiếng Anh 2: Học phần “*Tiếng Anh 2*” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

8. Tiếng Anh 3: Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “*Life*” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

9. Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản: Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

10. Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

11. Kinh tế vi mô 1: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

12. Kinh tế vĩ mô 1: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

13. Logic học: Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn nhằm nhận thức đúng thế giới hiện thực khách quan. Học phần trang bị cho sinh viên

những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ và vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác.

14. Kinh tế môi trường: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

15. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật: Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý luận nền tảng về nhà nước và pháp luật, cụ thể gồm: Khái quát Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức ... của nhà nước và pháp luật; Những vấn đề pháp lý về Hệ thống pháp luật và quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật.

16. Luật dân sự 1: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý về dân sự như hệ thống các khái niệm về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của luật dân sự...; quan hệ pháp luật dân sự và một số chế định pháp lý cơ bản của đời sống dân sự như: giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời hiệu; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; quyền thừa kế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp Luật kinh tế.

17. Luật dân sự 2: Học phần tập trung nghiên cứu các chế định pháp lý cơ bản của lĩnh vực dân sự như: nghĩa vụ dân sự; bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; nghĩa vụ ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp Luật kinh tế.

18. Luật hiến pháp: Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản trong lĩnh vực lập hiến và xây dựng bộ máy nhà nước Việt Nam gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của Hiến pháp Việt Nam; Các chế định cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của Hiến pháp hiện hành.

19. Luật hành chính: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về Quy phạm pháp luật hành chính và Quan hệ pháp Luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

20. Tiếng Anh thương mại 1: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn "Business Partner - B1" (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

21. Tiếng Anh thương mại 2: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn "Business Partner - B1" (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm,

giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

22. Pháp luật hợp đồng: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng ở Việt nam gồm khái niệm, các tiêu chí để nhận diện bản chất pháp lý của các loại hợp đồng; nguồn luật về hợp đồng và các nguyên tắc áp dụng pháp luật về hợp đồng. Trên cơ sở những vấn đề lý luận nêu trên, học phần đề cập tới các nội dung pháp lý cụ thể gắn liền với vấn đề giao kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng gồm: Xác định sự hình thành hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu; cơ sở pháp lý cho việc giải thích hợp đồng; thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm pháp lý khi có sự vi phạm hợp đồng. Từ những vấn đề lý luận và nội dung pháp lý nền tảng về hợp đồng nêu trên học phần tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về các loại hợp đồng thông dụng phát sinh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và trong quá trình thực hiện các dịch vụ khác nhau trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay.

23. Luật hình sự: Học phần nghiên cứu những lý luận cơ bản nhất của Luật Hình sự về Tội phạm, Hình phạt và một số tội phạm cụ thể: Bản chất tội phạm; Cấu thành tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự của chủ thể tội phạm nói chung và Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; Quyết định hình phạt; Chấp hành hình phạt. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu những vấn đề chung và cấu thành chi tiết của một số tội phạm cụ thể: Các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu; Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế...

24. Thương mại điện tử căn bản: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

25. Kinh tế thương mại đại cương: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những

vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

26. Chuyển đổi số trong kinh doanh: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

27. Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

28. Kinh tế quốc tế 1: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

29. Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu.

30. Công pháp quốc tế: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về luật quốc tế, cụ thể là: Các nguyên tắc pháp lý cơ bản của Công pháp quốc tế, các loại chủ thể của Quan hệ pháp luật quốc tế (Quốc gia, Tổ chức quốc tế liên chính phủ, các

dân tộc có quyền tự quyết); Vấn đề dân cư và lãnh thổ trong luật quốc tế; Vấn đề giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật quốc tế; Vấn đề vi phạm nghĩa vụ quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế của các chủ thể trong quan hệ quốc tế.

31. Tư pháp quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức cơ bản về tư pháp quốc tế bao gồm những vấn đề về xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế. Học phần cũng đi sâu nghiên cứu những quy định chuyên biệt của tư pháp quốc tế Việt Nam trong một số quan hệ cụ thể như hôn nhân và gia đình, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, ... Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp Luật kinh tế.

32. Luật kinh tế: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

33. Luật thương mại quốc tế 1: Là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của các quốc gia gồm các thiết chế điều chỉnh thương mại quốc tế, thương mại hàng hóa quốc tế, thương mại dịch vụ quốc tế, vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư nước ngoài trong thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các quốc gia. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

34. Luật thương mại quốc tế 2*: Là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức pháp luật cơ bản điều chỉnh quan hệ hợp

đồng thương mại quốc tế giữa các thương nhân; một số giao dịch trong kinh doanh thương mại quốc tế giữa các thương nhân như mua bán hàng hóa quốc tế, vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa quốc tế, thanh toán quốc tế, nhượng quyền thương mại quốc tế; về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

35. Pháp luật về đầu tư: Học phần nghiên cứu các qui định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục thực hiện các hoạt động đầu tư trong nước và ra nước ngoài; nghiên cứu pháp luật đầu tư quốc tế bao gồm các biện pháp bảo hộ đầu tư, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

36. Luật sở hữu trí tuệ: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế, chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế, nhằm giúp người học đáp ứng được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

37. Trọng tài thương mại quốc tế: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài thương mại, các khía cạnh pháp lý liên quan đến luật áp dụng, thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp, quyết định trọng tài, công nhận và thi hành Trọng tài thương mại quốc tế; nghiên cứu tổ chức, hoạt động của một số tổ chức trọng tài thương mại quốc tế trên thế giới và trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC). Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này

38. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng: Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật cạnh tranh và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bao gồm những vấn đề về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và giải quyết tranh chấp trong cạnh tranh; về hợp đồng giữa người tiêu

dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh cũng như các phương thức giải quyết tranh chấp giữa họ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp Luật kinh tế.

39. Pháp luật về phòng vệ thương mại*: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế của trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

40. Luật tố tụng dân sự: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về lĩnh vực tố tụng dân sự. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế. Cụ thể, học phần bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; thủ tục giải quyết việc dân sự. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và là học phần có tính bổ trợ nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp Luật kinh tế.

41. Pháp luật về đấu thầu: Pháp luật đấu thầu là học phần tự chọn thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu các kiến thức pháp lý cơ bản về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu ở Việt Nam, quan hệ pháp lý giữa các quốc gia cũng như hoạt động thương mại quốc tế của các thương nhân trong lĩnh vực đấu thầu. Nội dung của học phần gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành và những học phần chuyên ngành khác trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

42. Pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế của trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về vận tải hàng hoá quốc tế quốc tế; các loại hình vận tải hàng hoá quốc tế cụ thể như: vận tải biển

quốc tế, vận tải hàng không quốc tế, vận tải đường bộ, đường sắt quốc tế và vận tải đa phương thức quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này

43. Luật kinh doanh bảo hiểm: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về hợp đồng bảo hiểm nói chung và đi sâu vào một số hợp đồng bảo hiểm cơ bản gồm: hợp đồng bảo hiểm con người; hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Bên cạnh đó học phần cũng đi sâu nghiên cứu pháp luật về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tương hỗ, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp Luật kinh tế.

44. Luật thương mại điện tử: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử tại trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và chương trình đào tạo Quản trị thương mại điện tử nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp Luật kinh tế.

45. Pháp luật về thuế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về các qui định pháp luật trong quá trình thu nộp các loại thuế liên quan đến hoạt động thương mại của thương nhân như: xác định đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, cơ quan có thẩm quyền thu thuế, phương pháp và căn cứ tính thuế, nguyên tắc đánh thuế, các vấn đề miễn giảm thuế và trình tự thủ tục nộp thuế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

46. Pháp luật hải quan: Pháp luật hải quan là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu các qui định của pháp luật

hải quan bao gồm các nội dung về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công sản xuất hàng hóa xuất khẩu, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm pháp luật. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

47. Pháp luật môi trường quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật môi trường quốc tế, đặc biệt tập trung nghiên cứu một số lĩnh vực điều chỉnh cơ bản của pháp luật môi trường quốc tế, bao gồm: Môi trường biển; Khí quyển; Đa dạng sinh học. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về giải quyết các tranh chấp quốc tế về môi trường. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế

48. Kỹ năng thực hành pháp luật: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề luật; đạo đức và ứng xử trong nghề luật; thu thập thông tin, quản lý hồ sơ vụ việc; nghiên cứu hồ sơ vụ việc, xác định giải pháp giải quyết vụ việc; đàm phán và soạn thảo hợp đồng; tranh luận; soạn thảo thư tư vấn và bài biện hộ. Việc nghiên cứu, giảng dạy học phần này nhằm giúp người học tiếp cận, hiểu và nâng cao nhận thức về thực hành pháp luật.

49. Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp: Học phần cung cấp các kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp, tập trung ở các nội dung: về thành lập, quản lý nội bộ, tổ chức lại và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng tư vấn pháp luật, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Luật kinh tế.

50. Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế: Học phần Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

51. Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế:

52. Kinh doanh quốc tế: Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật,

kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

53. Kinh tế đầu tư quốc tế: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về kinh tế đầu tư quốc tế, bản chất của hoạt động đầu tư quốc tế, các lý thuyết cơ bản về đầu tư quốc tế, vai trò quan trọng của đầu tư quốc tế đối với tăng trưởng, phát triển mọi mặt của kinh tế, xã hội và doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần cũng phân tích rõ các yếu tố cấu thành nên môi trường đầu tư quốc tế, ảnh hưởng của nó đến kết quả hiệu quả của hoạt động đầu tư quốc tế. Học phần cũng nghiên cứu về tự do hóa đầu tư và các hiệp định đầu tư quốc tế bên cạnh các chính sách có liên quan đến đầu tư quốc tế.

54. Quản trị chuỗi cung ứng: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

55. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế: Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy

trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

56. Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp: Giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến công tác xây dựng, ban hành, thực hiện hệ thống văn bản pháp Luật kinh tế. Thông qua hoạt động thực tập và viết báo cáo tổng hợp tốt nghiệp, sinh viên có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực để nghiên cứu, học tập kiến thức thực tế và vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các công việc thực tiễn theo yêu cầu của đơn vị thực tập, qua đó củng cố phần kiến thức lý thuyết và viết báo cáo thực tập tổng hợp, phát hiện những thành tựu, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật tại đơn vị thực tập trong lĩnh vực pháp Luật kinh tế để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

57. Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp: Giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến công tác xây dựng, ban hành, thực hiện pháp luật. Thông qua hoạt động thực tập và làm khóa luận, sinh viên có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực để thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên; tổng hợp, phân tích, đánh giá công tác xây dựng, ban hành, thực hiện pháp luật, từ đó phát hiện những ưu điểm, nhược điểm, bất cập, hạn chế của hệ thống pháp luật và vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực pháp Luật kinh tế.